

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khánh

Ông Triệu Duy Tỏi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Trần Phú T1, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương

Các đương sự vắng mặt (nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn Đinh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Phú T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 29/6/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T1 đi làm

ăn xa không thường xuyên ở nhà, mỗi năm chỉ đưa chị từ 01 đến 02 triệu đồng để nuôi con, chị phải nhờ ông bà ngoại chăm lo các con. Quá trình xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã cố gắng nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn và cho nhau thêm cơ hội nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau, cũng không liên lạc gì với nhau. Anh T1 cũng không đến tìm gọi chị và các con về nhà, mà thỉnh thoảng đến đón con về chơi từ 01 đến 02 tháng, tùy tình hình công việc của anh T1. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với anh Trần Phú T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Phú N, sinh ngày 11/9/2014 và Trần Thị Trâm A, sinh ngày 02/10/2019. Hiện cả hai cháu đang ở với chị, do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện ba mẹ con chị đang sống cùng bố mẹ đẻ của chị, bố mẹ còn khỏe mạnh nên giúp chị việc cơm nước và đưa đón các con đi học. Bản thân chị làm công ty giày da, thu nhập khoảng hơn 6.000.000đ/tháng, đảm bảo được điều kiện ăn, ở, học hành cho các con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Phú T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Trước đó chị T đã nhiều lần tự ý bỏ đi không nói năng gì nhưng sau đó lại quay về. Anh đã nhiều lần cho qua nhưng chị T không thay đổi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau cả trong cách sống và trong sinh hoạt, chị T có mối quan hệ khác. Anh và chị T đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không quay lại với nhau lần nào, không tìm được cách hòa giải mâu thuẫn. Nay chị T yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý vì xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hòa giải được.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Trần Phú N, sinh ngày 11/9/2014 và Trần Thị Trâm A, sinh ngày 02/10/2019, hiện cả hai cháu đang sống với chị T. Do công việc của anh phải đi làm xa, không thường xuyên ở nhà nên anh muốn chị T nuôi cả hai con để hai con ổn định cuộc sống.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn anh Trần Phú T1 được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, được triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử nhưng anh T1 vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Trần Phú N trình bày: Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với bố.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/7/2024, đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn T cho biết: sau khi kết hôn, anh T1, chị T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, còn cụ thể thế nào thì địa phương không nắm được. Anh T1 và chị T đã không sống cùng nhau bốn năm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 02, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị T. Xử cho chị T được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phú N, sinh ngày 11/9/2014 và cháu Trần Thị Trâm A, sinh ngày 02/10/2019 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T1 không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xuất phát từ yêu cầu ly hôn, nuôi con của chị Đinh Thị T nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống, hai anh chị phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Hai anh chị không những không thực hiện các biện pháp hàn gắn mà lại không chung sống với nhau nhiều năm. Chị T đề nghị ly hôn thì anh T1 đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân của chị T, anh T1 đã trầm trọng, hai bên không còn tình cảm, không còn sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn với anh T1.

[2.2] Về con chung: chị T và anh T1 có 02 con chung là Trần Phú N, sinh ngày 11/9/2014 và Trần Thị Trâm A, sinh ngày 02/10/2019, hai anh chị đều đề nghị khi ly hôn sẽ giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung. Mặc dù, cháu N có nguyện vọng được sống cùng bố nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy, từ trước tới nay hai cháu sống cùng chị T, do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T1 thường xuyên đi làm xa nhà nên việc chăm sóc con sẽ không được đảm bảo. Xét đề nghị của các đương sự về con chung không trái pháp luật, không trái đạo đức, đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và tâm lý của con chung, Hội đồng xét xử tiếp tục giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T. Chị Đinh Thị T và anh Trần Phú T1 được ly hôn.

2. Về con chung: giao 02 con chung là Trần Phú N, sinh ngày 11/9/2014 và Trần Thị Trâm A, sinh ngày 02/10/2019 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đinh Thị T không yêu cầu anh Trần Phú T1

cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Phú T1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu BLTU/23, số 0001700 ngày 13/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND thị trấn Thanh Miện (GCNKH 45, ngày 29/6/2013);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Lý

